

Số: 4M /KH-SYT

Quảng Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ
DỰ PHÒNG TỈNH VÀ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BỐ TRẠCH

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT- BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1084/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1865/KH-SYT ngày 03/11/2017 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức sự nghiệp Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch năm 2017; Công văn số 84/SNV-CCVC ngày 19/01/2018 của Sở Nội vụ về việc thẩm định kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2017 của Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 2282/KH-SYT ngày 29/12/2017 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức sự nghiệp Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2018; Công văn số 100/SNV-CCVC ngày 24/01/2018 của Sở Nội vụ về việc thẩm định kế hoạch xét tuyển viên chức của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ định mức biên chế được giao và tình hình thực hiện biên chế, vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận và theo đề xuất của Trung tâm Y tế huyện Bồ Trạch.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- Chỉ tiêu tuyển dụng: 35; Trong đó:

+ Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh : 04 chỉ tiêu. *(Có phụ lục số 1 đính kèm)*

+ Trung tâm Y tế huyện Bồ Trạch: 31 chỉ tiêu. *(Có phụ lục số 2 đính kèm)*

- Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần tuyển dụng: 35 vị trí

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển:

(Có biểu phụ lục số 3 đính kèm)

3. Nội dung tuyển dụng

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

+ Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

+ Từ đủ 18 tuổi trở lên;

+ Có đơn đăng ký dự tuyển;

+ Có lý lịch rõ ràng;

+ Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

+ Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký dự tuyển viên chức theo mẫu số 1 ban hành kèm theo thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ;

+ Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định hiện hành;

+ Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

+ Đối với người dự tuyển đã qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hoặc công việc phù hợp với vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng thì nộp bản chứng thực hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

+ Hai phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ; 04 ảnh 4 x 6.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ/ 01 thí sinh dự tuyển/01 vị trí tuyển dụng

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm (có ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc).

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển một vị trí việc làm

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển: 500.000đ/người (Theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian dự kiến: Quý II năm 2018

- Thời hạn nộp hồ sơ của người đăng ký dự tuyển là 20 ngày làm việc kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: Sở Y tế Quảng Bình.

3.6. Nội dung kiến thức ôn tập về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Căn cứ vị trí việc làm, Hội đồng xét tuyển quyết định nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển ít nhất 15 ngày trước ngày tổ chức phỏng vấn.

3.7. Cách tính điểm

Căn cứ Điều 12, Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ. Cách tính điểm xét tuyển như sau:

a. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c. Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

e. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4, Điều 12, Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 12, Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:



+ Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên;

+ Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

c. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

d. Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.9. Các nội dung khác

Thực hiện công tác phúc khảo, ký hợp đồng làm việc, xác minh văn bằng, chứng chỉ... và các nội dung khác của quy trình tuyển dụng viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

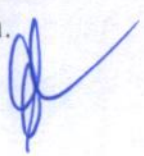
1. Trên cơ sở Kế hoạch đã được phê duyệt, thực hiện đăng tải thông báo tuyển dụng trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế.

2. Thu nhận hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

3. Giám đốc Sở Y tế ra Quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức để tổ chức xét tuyển viên chức. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của cơ quan để triển khai các hoạt động của Hội đồng.

4. Hội đồng tuyển dụng viên chức triển khai thực hiện xét tuyển đúng kế hoạch đã được phê duyệt theo Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả tuyển dụng theo quy định.



Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ kế hoạch để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Cường

UBND TỈNH QUANG BÌNH

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

**TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 411 /KH-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Y tế)

TT	Tên đơn vị	BCSN được giao	Viên chức hiện có	BCSN chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	53	47	6	4	

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ Y TẾĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ VÀ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BỒ TRẠCH**(Kèm theo Kế hoạch số: 411 /KH-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Sở Y tế)

TT	Tên đơn vị	BCSN được giao	Viên chức hiện có	BCSN chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Các khoa, phòng trực thuộc TTYT huyện Bồ Trạch	41	35	6	6	
2	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Bồ Trạch	203	178	25	25	
2.1	TYT xã Phúc Trạch	9	9			
2.2	TYT Sơn Trạch	9	9			
2.3	TYT xã Xuân Trạch	7	6	1	1	
2.4	TYT xã Lâm Trạch	8	7	1	1	
2.5	TYT xã Hưng Trạch	8	7	1	1	
2.6	TYT xã Phú Định	6	4	2	2	
2.7	TYT xã Liên Trạch	6	5	1	1	
2.8	TYT thị trấn NT.VT	9	9			
2.9	TYT xã Sơn Lộc	6	6			
2.10	TYT xã Bắc Trạch	8	8			
2.11	TYT xã Thanh Trạch	10	8	2	2	
2.12	TYT xã Mỹ Trạch	6	5	1	1	
2.13	TYT xã Hạ Trạch	6	4	2	2	
2.14	TYT xã Đức Trạch	6	6			
2.15	TYT xã Đồng Trạch	5	5			
2.16	TYT xã Phú Trạch	7	7			
2.17	TYT xã Hải Trạch	7	6	1	1	
2.18	TYT xã Đại Trạch	6	5	1	1	
2.19	TYT xã Nam Trạch	6	6			
2.20	TYT xã Nhân Trạch	7	7			

Phụ lục 2

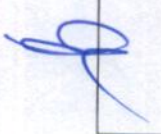
2.21	TYT xã Lý Trạch	6	4	2	2	
2.22	TYT xã Tây Trạch	6	5	1	1	
2.23	TYT xã Hòa Trạch	5	5			
2.24	TYT xã Hoàn Trạch	7	6	1	1	
2.25	TYT xã Vạn Trạch	6	4	2	2	
2.26	TYT xã Cự Nẫm	6	5	1	1	
2.27	TYT xã Trung Trạch	6	4	2	2	
2.28	TYT thị trấn Hoàn Lão	6	4	2	2	
2.29	TYT xã Tân Trạch	6	5	1	1	
2.30	TYT xã Thượng Trạch	7	7			
Tổng		244	213	31	31	

TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

DĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH VÀ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BỐ TRẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số 441 /KH-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Y tế)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
I	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BỐ TRẠCH (Mã số dự tuyển từ X.1 đến X.31)						
X.1	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03	1	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	Dại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.2	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03	1	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Dại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	Bác sỹ đào tạo theo địa chỉ sử dụng
X.3	Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III), V.08.02.06	1	Khoa Kiểm soát dịch bệnh	Dại học, ngành Bác sỹ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.4	Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16	1	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung cấp trở lên, ngành Hộ sinh	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.5	Kế toán viên, 06.031	1	Kế toán Thu viện phí tại Phòng khám Đa khoa và phòng vaccine sinh phẩm	Dại học, các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	



Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
X.6	Viên chức hành chính, 01.003	1	Tổng hợp, hành chính kiêm Bảo hiểm Y tế	Dại học, các ngành kinh tế	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.7	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03	1	Bác sỹ Trạm Y tế thị trấn Hoàn Lão	Dại học, ngành Bác sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.8	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03	1	Bác sỹ Trạm Y tế xã Thanh Trạch	Dại học, ngành Bác sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.9	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Lâm Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.10	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Hưng Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.11	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Phú Định	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.12	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Liên Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
X.13	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Hải Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.14	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Tây Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.15	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Vạn Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.16	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế thị trấn Hoàn Lão	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.17	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Y học cổ truyền Trạm Y tế xã Tân Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Y sỹ Y học cổ truyền hoặc Y sỹ đa khoa định hướng Y học cổ truyền	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.18	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ đa khoa Trạm Y tế xã Xuân Trạch	Trung cấp, ngành Y sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	
X.19	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ đa khoa Trạm Y tế xã Phú Định	Trung cấp, ngành Y sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc AI trở lên	

Mã số dự tuyển	Hàng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
X.20	Y sỹ hàng IV. V.08.03.07	1	Y sỹ đa khoa Trạm Y tế xã Mỹ Trạch	Trung cấp. ngành Y sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.21	Y sỹ hàng IV. V.08.03.07	1	Y sỹ đa khoa Trạm Y tế xã Lý Trạch	Trung cấp. ngành Y sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.22	Y sỹ hàng IV. V.08.03.07	1	Y sỹ đa khoa Trạm Y tế xã Trung Trạch	Trung cấp. ngành Y sỹ Đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.23	Điều dưỡng hàng IV. V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Hạ Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.24	Điều dưỡng hàng IV. V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Đại Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.25	Điều dưỡng hàng IV. V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Lý Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.26	Điều dưỡng hàng IV. V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Hoàn Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
X.27	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Vạn Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.28	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Trung Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.29	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Trạm Y tế xã Hạ Trạch	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.30	Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16	1	Hộ sinh Trạm Y tế xã Cự Năm	Trung cấp trở lên, ngành Hộ sinh	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.31	Dược hạng IV, V.08.08.23	1	Dược sỹ Trạm Y tế xã Thanh Trạch	Trung cấp trở lên, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
II TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH							
X.32	Bác sỹ Y học dự phòng hạng III, mã số V.08.02.06	1	Khoa Sức khỏe cộng đồng và Dinh dưỡng	Dại học, ngành Bác sỹ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	
X.33	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	1	Khoa Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và Vắc xin sinh phẩm	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	

Mã số dự tuyển	Hàng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
X.34	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	1	Khoa Sức khỏe cộng đồng và Dinh dưỡng	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	A hoặc A1 trở lên	
X.35	Viên chức hành chính, 01.003	1	Phòng Kế hoạch Tài chính	Dai học, các ngành Kinh tế, Luật, Hành chính, Quản trị kinh doanh	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	B hoặc A2 trở lên	

Ghi chú: Vị trí X.32, X.33, X.34, X.35 theo thứ tự tương đương các vị trí X.1, X.2, X.3, X.4 của Kế hoạch số 2282/KH-SYT ngày 24/01/2018 của Sở Y tế
(Danh sách gồm có 35 chi tiêu/ 35 vị trí việc làm)